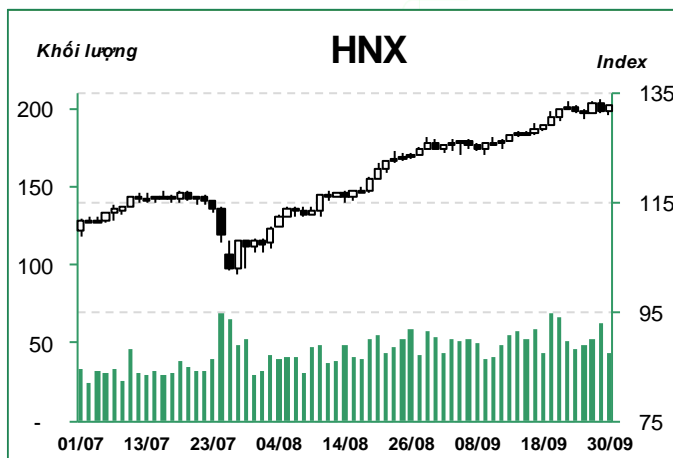
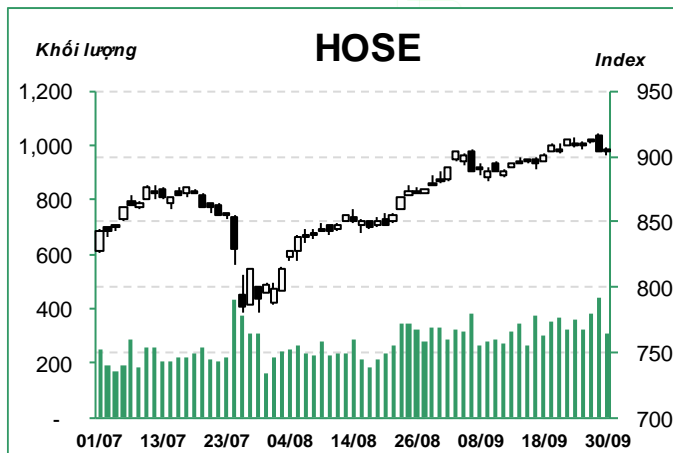


Tổng quan thị trường

30/09/2020	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	905.21	0.14%	858.54	0.27%	132.93	0.91%
Cuối tuần trước	908.27	-0.34%	854.71	0.45%	131.52	1.07%
Trung bình 20 ngày	900.34	0.54%	841.58	2.02%	129.42	2.72%
Tổng KLGD (triệu cp)	340.69	-26.79%	115.01	-22.74%	49.31	-27.92%
KLGD khớp lệnh	310.16	-29.21%	104.92	-22.33%	43.37	-30.34%
Trung bình 20 ngày	326.73	-5.07%	95.49	9.88%	52.13	-16.81%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	6,359.63	-25.42%	3,102.41	-28.11%	696.81	-25.98%
GTGD khớp lệnh	5,516.91	-28.86%	2,681.49	-31.33%	533.26	-27.65%
Trung bình 20 ngày	5,536.17	-0.35%	2,583.52	3.79%	610.05	-12.59%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	222	47%	18	60%	95	27%
Số mã giảm	175	37%	9	30%	59	17%
Số mã đứng giá	75	16%	3	10%	201	57%



Sau phiên bán tháo mạnh hôm qua, nhà đầu tư đã có động thái bắt đáy trở lại. Tuy nhiên, với việc áp lực bán ở nhiều cổ phiếu trụ vẫn đang hiện hữu, cùng với thanh khoản sụt giảm, các chỉ số chỉ ghi nhận mức tăng nhẹ. Bên cạnh đó, áp lực bán của khối ngoại cũng phần nào gây áp lực đối với diễn biến của thị trường chung.

Trên sàn HoSE, VN-Index duy trì sắc đỏ trong phần lớn thời gian giao dịch nhưng đảo chiều tăng vào cuối phiên. Chỉ số đóng cửa tăng nhẹ tại mức 905.21 điểm (+0.14%), với KLGD khớp lệnh đạt 310.2 triệu cổ phiếu (-29.2%), tương đương 5,517 tỷ đồng giá trị (-28.9%). Độ rộng thị trường nghiêng về bên mua nhiều hơn với 222 mã tăng so với 175 mã giảm.

Nhìn chung, các cổ phiếu trụ có sự phân hóa khi không có nhóm ngành nào thực sự bứt phá. Masan-MSN (+1.9%), Sacombank-STB (+3.8%), Tập đoàn Cao su Việt Nam-GVR (+1.6%) cùng với Vinhomes-VHM (+0.3%) là những cổ phiếu đóng góp nhiều nhất cho đà tăng điểm của chỉ số. Ở chiều ngược lại, Vietcombank-VCB (-0.6%), Sabeco-SAB (-0.9%), Đầu tư Cầu đường CII-LGC (-7.0%) là những trụ cột gây áp lực chính. Trong khi đó, nhóm cổ phiếu Midcap có diễn biến sôi động như Tập đoàn Sao Mai-ASM (+7.0%), Cao su Đà Nẵng-DRC (+6.9%) hay Cao su Phước Hòa-PHR (+2.6%).

Khối ngoại tiếp tục xả cổ phiếu trên sàn HoSE hôm nay với giá trị 263.0 tỷ đồng (-56.9%). Lực bán tập trung ở các mã như Hòa Phát-HPG (-87.5 tỷ), Vinamilk-VNM (-53.3 tỷ), Vinhomes-VHM (-37.6 tỷ). Trái lại, Tập đoàn Hoa Sen-HSG (+11.5 tỷ), Sacombank-STB (+9.6 tỷ), HDBank-HDB (+6.1 tỷ) là những cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất. Ngoài ra, khối ngoại cũng mua ròng đáng kể với chứng chỉ quỹ VFMVN Diamond với giá trị 14.9 tỷ đồng.

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
MSN	5,320.9	285.20
GEX	5,000.0	110.00
CRE	3,300.0	69.70
VPB	2,450.0	55.13
VCB	290.0	24.39
NLG	930.0	22.68
MBB	1,129.5	22.42
HPX	731.6	19.31
VRE	461.4	12.67
KPF	881.4	12.45
HNX		
SAF	1,669.3	101.83
S99	1,298.0	28.17
VC9	1,889.9	9.83
NTP	308.3	9.50
TAR	257.8	5.16
NDN	180.0	2.83
DIH	150.0	2.18
ACB	55.2	1.36
SRA	55.0	0.88
PVI	26.0	0.78

Trên sàn Hà Nội, HNX-Index đảo chiều khá tốt khi đóng cửa cao nhất phiên tại mức 132.93 điểm (+0.91%). Tuy nhiên, thanh khoản lại giảm đáng kể so với phiên trước với KLGD khớp lệnh đạt 43.4 triệu cổ phiếu (-30.3%), tương đương 533.3 tỷ đồng giá trị (-27.6%).

Dẫn đầu đà tăng của chỉ số là Vicostone-VCS (+9.9%) khi cổ phiếu này bất ngờ tăng trần đi kèm khối lượng đột biến sau khi có thông tin kết quả kinh doanh quý 3 tích cực. Ngoài ra, nhóm cổ phiếu ngân hàng cũng là động lực kéo chỉ số trong hôm nay với Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+1.3%), Ngân hàng Á Châu-ACB (+0.4%) và Ngân hàng Quốc Dân-NVB (+3.4%) đều chốt phiên trong sắc xanh. Ở chiều ngược lại, Nhựa Tiền Phong-NTP (-1.8%) và Bảo hiểm PVI-PVI (-0.3%) là những cổ phiếu tiêu cực đáng chú ý.

Khối ngoại cũng bán ròng trên sàn Hà Nội hôm nay với giá trị 8.6 tỷ đồng (-81.0%). Với những cổ phiếu bị bán ròng mạnh nhất là Nhựa Tiền Phong-NTP (-9.5 tỷ), Mía đường Sơn La-SLS (-0.9 tỷ), Vimeco-VMC (-0.4 tỷ). Trong khi đó, Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+1.6 tỷ), In Nông Nghiệp-INN (+1.0 tỷ), Tập đoàn CEO-CEO (+0.4 tỷ) được khối này tập trung mua vào.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm trở lại. Chỉ số vận động với nền thân hẹp, kèm khối lượng giao dịch ở mức thấp hơn bình quân 10 và 20 phiên hàm ý tâm lý thị trường đang khá giằng co và lưỡng lự. Tuy nhiên, chỉ số vẫn nằm trên MA20, kèm theo ADX nằm trên vùng 25 và +DI nằm trên -DI, cho thấy xu hướng phục hồi vẫn còn. Do đó, trong trường hợp, chỉ số giữ vững được trên vùng hỗ trợ 900-905 điểm thì chỉ số sẽ sớm có cơ hội quay lại xu hướng phục hồi, với vùng mục tiêu quanh 940 điểm (Fib 127.2). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên tăng điểm trở lại và duy trì đóng cửa trên hầu hết các đường MA quan trọng từ MA5 tới MA200, cho thấy xu hướng chính vẫn là phục hồi và chỉ số có cơ hội quay lại thử thách ngưỡng 134.4 điểm (Fib 161.8). Nhìn chung, xu hướng chính của thị trường có thể vẫn là phục hồi. Tuy nhiên, áp lực chốt lời quanh vùng đỉnh đang gia tăng và tâm lý giao dịch của thị trường vẫn có sự lưỡng lự tại vùng hỗ trợ xu hướng. Do đó, nhà đầu tư nên cơ cấu lại danh mục và ưu tiên chọn lọc kĩ, với mục tiêu chính là các cổ phiếu mạnh, có cơ bản tốt, dự báo kết quả quý 3 khả quan.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ASM	8.8	8,229.6	7.0%
ASG	47.1	86.0	6.9%
PXI	4.2	109.3	6.9%
CRE	22.5	1,499.8	6.9%
DRC	21.0	3,253.9	6.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
LGC	55.9	0.5	-7.0%
SSC	51.9	0.1	-7.0%
VAF	8.8	0.0	-7.0%
DAT	32.9	4.7	-6.9%
TCR	3.5	2.4	-6.9%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
STB	13.8	380.5	3.8%
HPG	26.4	342.1	0.2%
TCH	21.6	320.2	0.2%
HSG	15.7	235.6	3.0%
VNM	108.9	156.5	-0.3%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
STB	13.8	28,314.4	3.8%
HSG	15.7	15,238.9	3.0%
TCH	21.6	15,024.1	0.2%
HPG	26.4	12,985.5	0.2%
ASM	8.8	8,229.6	7.0%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
LCS	2.2	100.7	10.0%
PJC	24.2	0.1	10.0%
VCS	73.2	1,422.8	9.9%
VGP	20.1	12.0	9.8%
TFC	5.6	0.1	9.8%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
NHP	0.6	113.0	-14.3%
STC	13.6	0.1	-9.9%
VNC	39.6	0.2	-9.8%
VBC	18.6	0.3	-9.7%
TST	12.1	10.0	-9.7%

Top 5 giá trị

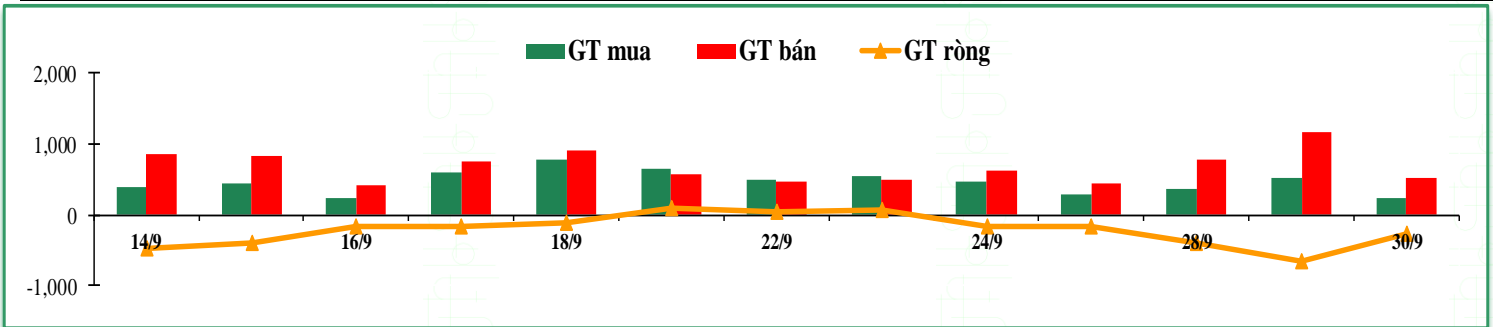
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCS	73.2	102.1	9.9%
ACB	22.5	81.0	0.5%
PVS	13.6	66.9	0.7%
SHB	15.4	31.1	1.3%
NVB	9.1	30.4	3.4%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
PVS	13.6	4,957.1	0.7%
ACB	22.5	3,624.2	0.5%
NVB	9.1	3,387.9	3.4%
ACM	0.8	2,603.0	0.0%
HUT	2.7	2,372.9	3.9%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	236.2	4.3%	499.3	9.0%	-263.0
HNX	6.3	1.2%	14.8	2.8%	-8.6
Tổng số	242.5		514.1		-271.6



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCB	84.1	29.2	-0.6%
MBB	19.8	22.2	0.5%
HPG	26.4	20.7	0.2%
SAB	183.3	16.5	-0.9%
VRE	27.6	15.9	0.6%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	26.4	108.2	0.2%
VNM	108.9	59.6	-0.3%
VHM	75.5	47.7	0.3%
VRE	27.6	33.8	0.6%
VIC	91.5	31.4	0.0%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HSG	15.7	11.5	3.0%
STB	13.8	9.6	3.8%
HDB	31.3	6.1	0.2%
SSI	17.0	5.4	1.2%
MSH	33.1	3.2	1.4%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	15.4	1.6	1.3%
ACB	22.5	1.4	0.5%
INN	31.9	1.0	7.1%
PVS	13.6	0.5	0.7%
CEO	7.3	0.4	0.0%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
NTP	32.7	9.5	-1.8%
ACB	22.5	1.4	0.5%
SLS	76.9	0.9	0.0%
PVS	13.6	0.5	0.7%
VMC	11.0	0.4	1.9%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	15.4	1.6	1.3%
INN	31.9	1.0	7.1%
CEO	7.3	0.4	0.0%
MBG	5.7	0.3	0.0%
CDN	22.8	0.3	4.1%

Tin trong nước

NHNN hạ lãi suất điều hành lần thứ ba trong năm

Ngân hàng Nhà nước (NHNN) thông báo về việc điều chỉnh các mức lãi suất, có hiệu lực từ 1/10. Cụ thể, lãi suất tái cấp vốn hạ từ 4,5%/năm xuống 4%/năm, lãi suất tái chiết khấu từ 3%/năm xuống 2,5%/năm, lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN với các ngân hàng từ 5,5%/năm xuống 5%/năm.

Lãi suất chào mua giấy tờ có giá qua nghiệp vụ thị trường mở giảm từ 3%/năm xuống 2,5%/năm.

NHNN cũng quy định mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng VND của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (TCTD), trong đó tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng giữ nguyên ở 0,2%/năm, lãi suất tối đa đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến dưới 6 tháng giảm từ 4,25%/năm xuống 4%/năm, lãi suất tối đa đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến dưới 6 tháng tại Quỹ tín dụng nhân dân (QTĐND), Tổ chức tài chính vi mô (TCTCVM) giảm từ 4,75%/năm xuống 4,5%/năm.

Mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND của TCTD đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế theo quy định tại Thông tư số 39/2016 cũng được điều chỉnh giảm từ 5%/năm xuống 4,5%/năm, lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND của Quỹ tín dụng Nhân dân và Tổ chức Tài chính Vi mô đối với các nhu cầu vốn này giảm từ 6%/năm xuống 5,5%/năm.

Fitch Ratings: Hàng không Việt Nam sẽ phục hồi nhanh hơn các nước Đông Nam Á khác

Điều này là do tỷ lệ nhiễm Covid-19 của Việt Nam thấp. Fitch dự báo RPK trung bình vào khoảng 55% mức cơ sở vào năm 2020 và 90% vào năm 2021.

Fitch cũng dự kiến, ở Indonesia và Philippines, nơi vẫn có nguy cơ Covid-19 cao, sẽ có mức RPK trung bình chỉ ở mức 35% so với mức cơ sở trong năm 2020 và 60% vào năm 2021. Các hãng hàng không ở Thái Lan và Malaysia cũng có khả năng rơi vào tình cảnh tương tự, vì họ sẽ bị ảnh hưởng bởi lưu lượng giao thông quốc tế yếu mặc dù đã có cải thiện trong việc kiểm soát đại dịch.

Tin doanh nghiệp niêm yết

Vicostone ước lãi quý III tăng 14%

Theo thông tin từ CTCP Vicostone (HNX: VCS), doanh thu thuần quý III ước đạt 1.499 tỷ đồng, cao hơn gần 2% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận trước thuế và sau thuế lần lượt ước đạt 469 tỷ đồng và 400 tỷ đồng, tăng 13% và 14%.

Kết quả quý III cải thiện tương ứng lần lượt 33% và 54% so với doanh thu và lợi nhuận trước thuế quý II, khi dịch Covid-19 ảnh hưởng.

Lũy kế 9 tháng, công ty đạt doanh thu thuần 3.993 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 1.127 tỷ đồng, gần tương đương cùng kỳ 2019, thực hiện lần lượt 65% và 62% kế hoạch năm.

REE chuyển quyền sở hữu cổ phiếu mảng nước, điện, bất động sản sang 3 công ty con

HDQT Công ty Cơ điện lạnh (HoSE: REE) thông qua việc thành lập công ty TNHH Năng lượng REE sở hữu 100% vốn. Thời gian thực hiện từ quý III đến quý IV/2020. Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Vốn điều lệ của Năng lượng REE là 6.380 tỷ đồng, trong đó vốn góp bằng tài sản từ việc chuyển sở hữu danh sách các cổ phiếu mảng điện giá trị 6.201 tỷ đồng. Phần còn lại được góp bằng tiền mặt.

Danh sách các cổ phiếu bao gồm Nhiệt điện Phả Lại, Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh, Thủy điện miền Trung...

Ngoài ra, HDQT cũng thông qua việc chuyển đổi CTCP Nước sạch REE và CTCP Bất động sản REE sang hình thức công ty TNHH MTV. Tại mỗi công ty, REE nhận chuyển nhượng 20.000 cổ phần từ 2 cổ đông cá nhân còn lại để sở hữu 100% vốn. Thời gian thực hiện từ quý III đến quý IV/2020.

HDQT cũng chuyển quyền sở hữu danh sách các cổ phiếu mảng nước như Cấp nước Thủ Đức (HoSE: TDW), Cấp nước Gia Định (HNX: GDW), Cấp nước Nhà Bè (HNX: NBW)... sang công ty TNHH Nước sạch REE. Tổng giá trị sổ sách gần 1.611 tỷ đồng, tương đương giá trị vốn góp bằng hình thức chuyển quyền sở hữu từ REE. Vốn góp bằng tiền mặt là 2,2 tỷ đồng. Vốn điều lệ dự kiến đăng ký mới của Nước sạch REE là 1.630 tỷ đồng.

Đối với Bất động sản REE, REE cũng chuyển quyền sở hữu danh sách các cổ phiếu mảng bất động sản như Địa ốc Sài Gòn (HoSE: SGR) và CTCP Hạ tầng và Bất động sản Việt Nam (VIID). Giá trị sổ sách của lượng cổ phiếu trên tương đương giá trị vốn góp bằng hình thức chuyển quyền sở hữu từ REE là 262 tỷ đồng. Vốn điều lệ dự kiến đăng ký mới là 912 tỷ đồng.

Công ty có kế hoạch chuyển sang mô hình holdings, phân chia 4 mảng kinh doanh riêng biệt (cơ điện lạnh, bất động sản, nước và năng lượng) do các công ty mà REE sở hữu 100% hoặc chiếm đa số quản lý.

Viconship tạm ứng cổ tức tiền mặt 15%, đầu tư cảng nước sâu tại Lạch Huyện

Tập đoàn Container Việt Nam (Viconship, HoSE: VSC) thông báo chốt danh sách cổ đông để thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 1/2020 cho các cổ đông với tỷ lệ 15% bằng tiền (1 cổ phiếu được nhận 1.500 đồng). Với hơn 55 triệu cổ phiếu đang lưu hành, số tiền chi trả là gần 83 tỷ đồng.

Ngày đăng ký cuối cùng vào 28/10 và thời gian thanh toán dự kiến ngày 18/11.

Theo kế hoạch năm 2020, Viconship đề ra mục tiêu doanh thu 1.550 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế giảm 22% xuống 266 tỷ đồng. Kế hoạch cổ tức cho năm 2020 được duy trì ở mức 20% trên vốn điều lệ.

Theo báo cáo bán niên, doanh nghiệp ghi nhận doanh thu giảm 11% đạt 801 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế là 155 tỷ đồng, tăng 6,5% so với cùng kỳ và hoàn thành 58% kế hoạch năm. Riêng lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ là 113 tỷ đồng, tăng 36%.

Nhựa Bình Minh chốt ngày tạm ứng cổ tức 28,4%

Nhựa Bình Minh (HoSE: BMP) thông báo chốt danh sách cổ đông thực hiện tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 1/2020 với tỷ lệ 28,4% (1 cổ phiếu được nhận 2.840 đồng). Theo đó, công ty dự chi số tiền 232 tỷ đồng trong đợt này.

Ngày đăng ký cuối cùng vào 8/10, tương ứng ngày giao dịch không hưởng quyền 7/10. Thời gian thanh toán dự kiến vào 23/10.

Nhựa Bình Minh đặt kế hoạch kinh doanh năm 2020 với doanh thu tăng 5% lên 4.560 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế tăng 10% lên 465 tỷ đồng. Kế hoạch chia cổ tức năm 2020 tối thiểu 50% lợi nhuận sau thuế. Như vậy mức tạm ứng trên đã đạt 50% lợi nhuận kế hoạch.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	BFC	Mua	01/10/20	17	17	0.0%	18.7	10.0%	16.3	-4.1%	Cổ phiếu có cơ hội quay lại xu hướng phục hồi

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	PTB	Quan sát mua	01/10/20	55.1	58.5-60.5	Phiên bật tăng mạnh từ vùng hỗ trợ quanh 52 kèm vol cao, khả năng tăng ngắn hạn -> có thể cân nhắc tham gia khi giá điều chỉnh về vùng 54-54.5
2	PHR	Quan sát mua	01/10/20	58.3	60 66	Cặp nến đảo chiều Bullish Engulfing kèm vol cao + quanh hỗ trợ MA50 -> có thể bắt đầu nhịp tăng mới, vượt được kháng cự 60 sẽ khá thoáng
3	TCM	Quan sát mua	01/10/20	23.25	26-26.5	Phiên bật tăng mạnh từ MA50 sau các nến thân nhỏ vol cao + cắt lên lại các đường MA -> có thể cân nhắc tham gia khi giá điều chỉnh về vùng 22.7-22.8
4	MPC	Quan sát mua	01/10/20	30.8	34	Nến rút chân khi về hỗ trợ quanh 30 -> cần một nến tăng tốt để xác nhận quay lại xu hướng tăng
5	AST	Quan sát mua	01/10/20	50.6	56	Nhịp điều chỉnh về hỗ trợ quanh 50 tích cực với vol giảm thấp dần -> khả năng có thể sớm quay lại xu hướng tăng

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	LIX	Mua	16/09/20	59	56.8	3.9%	60.9	7.2%	54.9	-3%	
2	MWG	Mua	17/09/20	104.3	94.6	10.3%	105	11.0%	90	-5%	
3	VNM	Mua	21/09/20	108.9	103.6	5.1%	112.5	9%	101.6	-2%	Điều chỉnh giá do trả cổ tức bằng tiền 20% và 20% bằng cổ phiếu.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

4	CTG	Mua	23/09/20	26.55	25.8	2.9%	28	9%	25.2	-2%
5	HPG	Mua	28/09/20	26.4	25.75	2.5%	30	17%	25	-3%
6	KBC	Mua	29/09/20	14.2	14.3	-0.7%	15.8	10%	13.8	-3%

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 30/09/2020						Thông tin chứng quyền						
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CCTD2001	1,540	1,230	11.8 %	-20%	1,804	77	69,200	21	KIS	CTD	80,888	10	16/12/2020
CFPT2003	7,300	10,750	-3.2 %	47%	2,448	40	50,000	717	SSI	FPT	50,000	1	09/11/2020
CFPT2006	1,500	1,710	-5.5 %	14%	4,026	29	50,000	1,340	HCM	FPT	44,386	4	29/10/2020
CFPT2007	1,690	1,650	-1.2 %	-2%	610	23	50,000	1,317	MBS	FPT	43,500	5	23/10/2020
CFPT2008	1,500	1,380	-5.5 %	-8%	19,874	106	50,000	625	HCM	FPT	48,000	5	14/01/2021
CFPT2009	2,480	2,220	-6.3 %	-10%	5,797	79	50,000	1,230	MBS	FPT	46,800	3	18/12/2020
CHDB2005	1,080	1,010	-1.9 %	-6%	1,292	5	31,300	996	KIS	HDB	27,327	4	05/10/2020
CHDB2006	2,180	3,750	7.1 %	72%	1,392	8	31,300	3,308	MBS	HDB	24,700	2	08/10/2020
CHPG2008	4,100	5,290	3.5 %	29%	13,756	61	26,400	146	SSI	HPG	28,000	1	30/11/2020
CHPG2009	1,600	4,980	1.0 %	211%	2,862	29	26,400	1,977	HCM	HPG	22,500	2	29/10/2020
CHPG2012	6,100	7,200	-0.7 %	18%	3,440	110	26,400	1,164	SSI	HPG	26,500	1	18/01/2021
CHPG2013	6,900	8,860	1.3 %	28%	390	62	26,400	2,549	SSI	HPG	24,000	1	01/12/2020
CHPG2014	7,200	8,100	-2.8 %	13%	81	201	26,400	2,168	SSI	HPG	26,500	1	19/04/2021
CHPG2015	6,700	7,710	1.3 %	15%	15,201	152	26,400	1,628	SSI	HPG	26,500	1	01/03/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CHPG2016	2,200	3,240	-1.8 %	47%	19,951	106	26,400	348	HCM	HPG	27,500	2	14/01/2021
CHPG2019	1,630	1,950	3.2 %	20%	37,636	79	26,400	1,271	MBS	HPG	24,100	2	18/12/2020
CMBB2003	2,000	2,200	1.4 %	10%	4,301	40	19,750	1,810	SSI	MBB	18,000	1	09/11/2020
CMBB2005	2,000	650	0 %	-68%	179	26	19,750	88	VCI	MBB	20,000	1	26/10/2020
CMBB2006	1,100	1,690	0.6 %	54%	31,876	29	19,750	1,645	HCM	MBB	16,500	2	29/10/2020
CMBB2007	1,400	1,890	4.4 %	35%	7,665	106	19,750	1,462	HCM	MBB	17,000	2	14/01/2021
CMSN2001	2,300	340	-2.9 %	-85%	10,269	77	54,600	1	KIS	MSN	65,789	5	16/12/2020
CMSN2005	2,100	360	0 %	-83%	1,259	29	54,600	0	HCM	MSN	60,000	5	29/10/2020
CMSN2006	1,900	1,110	2.8 %	-42%	28,474	106	54,600	310	HCM	MSN	56,000	5	14/01/2021
CMSN2008	1,530	1,310	2.3 %	-14%	4,589	68	54,600	481	MBS	MSN	53,000	5	07/12/2020
CMWG2006	2,000	600	0 %	-70%	1	26	104,300	4	VCI	MWG	110,000	5	26/10/2020
CMWG2007	12,900	19,680	2.0 %	53%	250	61	104,300	17,741	SSI	MWG	87,000	1	30/11/2020
CMWG2008	1,300	2,050	3.5 %	58%	2,539	27	104,300	1,949	HCM	MWG	85,000	10	27/10/2020
CMWG2009	1,600	2,800	4.1 %	75%	2,699	23	104,300	2,807	MBS	MWG	82,000	8	23/10/2020
CMWG2010	1,400	2,600	2.0 %	86%	15,985	106	104,300	2,304	HCM	MWG	82,000	10	14/01/2021
CMWG2011	2,980	4,250	-1.2 %	43%	6,020	79	104,300	3,577	MBS	MWG	87,000	5	18/12/2020
CMWG2012	4,390	5,700	1.8 %	30%	25,742	131	104,300	5,045	SSI	MWG	80,000	5	08/02/2021
CNVL2001	2,300	1,900	-5.0 %	-17%	51	77	63,900	98	KIS	NVL	65,888	4	16/12/2020
CNVL2002	2,000	2,370	-2.1 %	19%	992	161	63,900	1,046	KIS	NVL	59,889	5	10/03/2021
CPNJ2003	2,000	-	0 %	-100%	-	26	60,900	(0)	VCI	PNJ	75,000	5	26/10/2020
CPNJ2005	1,000	420	-4.6 %	-58%	47,566	29	60,900	128	HCM	PNJ	60,000	10	29/10/2020
CPNJ2006	1,000	840	7.7 %	-16%	9,436	106	60,900	369	HCM	PNJ	59,000	10	14/01/2021
CPNJ2007	1,670	2,100	-4.6 %	26%	10,984	51	60,900	1,625	MBS	PNJ	53,000	5	20/11/2020
CPNJ2008	3,030	2,800	-0.7 %	-8%	4,972	131	60,900	2,309	SSI	PNJ	50,000	5	08/02/2021
CREE2003	1,000	2,080	0 %	108%	1,701	29	40,200	2,054	HCM	REE	30,000	5	29/10/2020
CREE2004	1,570	3,580	5.3 %	128%	105	23	40,200	3,585	MBS	REE	29,500	3	23/10/2020
CREE2005	1,300	2,280	1.8 %	75%	1,160	106	40,200	1,997	HCM	REE	32,500	4	14/01/2021
CROS2002	1,000	170	0 %	-83%	5,258	77	2,170	(0)	KIS	ROS	7,227	1	16/12/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CSBT2001	2,900	210	0 %	-93%	1,318	77	14,800	0	KIS	SBT	21,111	1	16/12/2020
CSTB2002	1,700	2,370	2.6 %	39%	9,304	77	13,800	1,994	KIS	STB	11,888	1	16/12/2020
CSTB2004	1,400	3,010	13.6 %	115%	60,125	61	13,800	2,856	SSI	STB	11,000	1	30/11/2020
CSTB2005	1,080	1,140	-5.0 %	6%	9,931	34	13,800	1,011	KIS	STB	11,811	2	03/11/2020
CSTB2006	1,500	1,400	2.2 %	-7%	35,940	187	13,800	810	KIS	STB	12,888	2	05/04/2021
CSTB2008	1,500	3,700	12.1 %	147%	15,695	51	13,800	3,643	MBS	STB	10,200	1	20/11/2020
CSTB2009	1,650	3,400	11.5 %	106%	36,597	79	13,800	2,971	MBS	STB	10,900	1	18/12/2020
CTCB2003	2,000	300	0 %	-85%	4,905	26	22,600	0	VCI	TCB	25,000	1	26/10/2020
CTCB2005	3,000	1,940	-7.6 %	-35%	10,028	61	22,600	922	SSI	TCB	22,000	1	30/11/2020
CTCB2006	1,200	2,270	-9.2 %	89%	6,288	29	22,600	2,322	HCM	TCB	18,000	2	29/10/2020
CTCB2007	1,700	1,920	-2.0 %	13%	7,395	106	22,600	1,427	HCM	TCB	20,000	2	14/01/2021
CTCB2008	1,720	1,930	-4.9 %	12%	1,300	79	22,600	1,376	MBS	TCB	20,000	2	18/12/2020
CVHM2001	3,100	490	-47.3 %	-84%	131	77	75,500	0	KIS	VHM	94,567	5	16/12/2020
CVHM2002	11,500	4,890	3.2 %	-57%	3,916	61	75,500	1,197	SSI	VHM	77,000	1	30/11/2020
CVHM2003	1,000	790	-8.1 %	-21%	29,223	29	75,500	567	HCM	VHM	70,000	10	29/10/2020
CVHM2004	1,490	30	0 %	-98%	1,535	5	75,500	(0)	KIS	VHM	86,868	10	05/10/2020
CVHM2005	1,400	770	0 %	-45%	31,854	106	75,500	179	HCM	VHM	79,000	10	14/01/2021
CVHM2007	2,900	1,860	6.3 %	-36%	11,187	131	75,500	858	SSI	VHM	75,000	5	08/02/2021
CVJC2001	2,400	160	0 %	-93%	60	77	104,600	0	KIS	VJC	173,137	10	16/12/2020
CVJC2002	1,900	250	-16.7 %	-87%	10,725	29	104,600	0	HCM	VJC	116,000	10	29/10/2020
CVJC2003	1,670	30	-50.0 %	-98%	4,537	5	104,600	-	KIS	VJC	123,456	10	05/10/2020
CVJC2005	2,000	1,430	0 %	-29%	1,553	131	104,600	724	SSI	VJC	100,000	10	08/02/2021
CVNM2004	17,500	-	0 %	-100%	-	61	108,900	131	SSI	VNM	118,000	1	30/11/2020
CVNM2005	1,500	3,220	2.2 %	115%	11,664	29	108,900	615	HCM	VNM	103,000	10	29/10/2020
CVNM2006	1,530	270	-15.6 %	-82%	40,475	5	108,900	-	KIS	VNM	131,313	10	05/10/2020
CVNM2007	2,400	1,750	-3.9 %	-27%	654	161	108,900	21	KIS	VNM	138,888	10	10/03/2021
CVNM2008	1,800	2,500	-6.4 %	39%	9,630	106	108,900	198	HCM	VNM	114,000	10	14/01/2021
CVNM2009	1,810	2,970	0.7 %	64%	10,903	68	108,900	375	MBS	VNM	107,000	10	07/12/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVNM2010	2,680	2,950	-5.5 %	10%	1,008	131	108,900	450	SSI	VNM	110,000	10	08/02/2021
CVPB2006	3,400	1,620	-1.8 %	-52%	26,971	61	23,750	541	SSI	VPB	24,000	1	30/11/2020
CVPB2007	1,700	1,100	2.8 %	-35%	134,186	29	23,750	656	HCM	VPB	22,500	2	29/10/2020
CVPB2008	1,800	1,800	-2.2 %	0%	19,122	106	23,750	1,131	HCM	VPB	22,000	2	14/01/2021
CVPB2009	1,630	2,170	-3.6 %	33%	41,975	51	23,750	1,818	MBS	VPB	20,200	2	20/11/2020
CVRE2003	3,000	270	-3.6 %	-91%	5,200	77	27,600	0	KIS	VRE	37,999	2	16/12/2020
CVRE2005	4,000	2,080	13.7 %	-48%	5,643	61	27,600	570	SSI	VRE	28,000	1	30/11/2020
CVRE2006	1,100	1,210	0.8 %	10%	18,657	29	27,600	1,164	HCM	VRE	23,000	4	29/10/2020
CVRE2007	1,520	530	-11.7 %	-65%	35,696	187	27,600	117	KIS	VRE	33,333	5	05/04/2021
CVRE2008	1,200	1,030	0 %	-14%	12,150	106	27,600	574	HCM	VRE	26,000	4	14/01/2021

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2020E (tỷ)	EPS 2020E	BV 2020E	ROE 2020E	ROA 2020E	PE 2020E	PB 2020E	Cổ tức dự kiến**
ANV (New)	HOSE	19,150	22,200	30/09/2020	249	1,952	19,165	10%	5.7%	11.4	1.2	10%
DXG (New)	HOSE	10,100	14,650	29/09/2020	612	1,345	16,715	7%	2.8%	4.8	0.9	-
ACV (New)	UPCOM	66,900	71,600	29/09/2020	2,208	1,008	14,342	6%	3.8%	71.5	5.0	5%
NLG (New)	HOSE	25,750	32,300	28/09/2020	870	3,555	23,659	14%	8.0%	7.9	1.0	5%
IMP	HOSE	48,000	46,100	21/09/2020	174	2,711	27,620	10%	8.3%	17.0	1.7	20%
CTD	HOSE	69,200	90,400	16/09/2020	824	10,391	113,736	9%	5.0%	8.7	0.8	30%
DBD	HOSE	47,000	39,000	11/09/2020	143	2,733	18,708	15%	8.2%	14.1	2.1	15%
VCB	HOSE	84,100	78,000	07/09/2020	17,662	4,762	26,585	20%	1.5%	16.4	2.9	0%
AST	HOSE	50,600	40,000	07/09/2020	6	133	17,827	1%	0.5%	301.4	2.2	10%
PHR	HOSE	58,300	57,615	04/09/2020	1,180	8,709	22,532	28%	14.1%	6.2	2.3	30%
VRE	HOSE	27,600	39,500	03/09/2020	2,445	1,109	11,914	8%	6.4%	23.3	2.6	-
POW	HOSE	10,250	12,800	01/09/2020	2,655	971	13,557	8%	5.0%	13.2	0.9	0%
MWG	HOSE	104,300	105,600	28/08/2020	3,496	7,717	32,797	24%	7.5%	13.7	3.2	15%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

NVL	HOSE	63,900	64,350	28/08/2020	3,547	3,699	25,725	13%	3.8%	20.3	2.1	-
NT2	HOSE	23,000	27,600	27/08/2020	775	2,691	14,445	19%	11.0%	10.3	1.9	25%
SCS	HOSE	120,700	120,000	27/08/2020	403	7,468	20,060	40%	36.9%	16.1	6.0	36%
MSN	HOSE	54,600	62,400	24/08/2020	1,026	877	27,165	2%	0.4%	71.2	2.3	10%
HPG	HOSE	26,400	28,700	18/08/2020	9,638	2,889	16,628	18%	9%	9.9	1.7	5%
DHG	HOSE	105,500	88,000	17/08/2020	670	5,125	27,884	18%	15%	17.2	3.2	-
VTP	UPCOM	111,500	142,700	13/08/2020	451	7,565	24,318	40%	11%	18.9	7.6	0%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2020 trên mệnh giá.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Quản Lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Quản Lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng (PHFM).

Tòa nhà CR3-05B, Tầng 5, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5413 7991

Web: www.phfm.vn